

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

Thi lần 1

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	QUẢN TRỊ VẬN HÀNH		
Mã học phần:	71SCMN30013	Số tin chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	241_71SCMN30013		
Hình thức thi:	Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75 phút
Thí sinh chỉ được tham khảo tài liệu:	☒ Có (chỉ được tham khảo tài liệu giấy)	☐ Không	

Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
 - + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi).

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Phân biệt và diễn giải được các khái niệm căn bản của hoạt động quản trị vận hành và vai trò của hoạt động quản trị vận hành trong tổ chức	Trắc nghiệm lý thuyết	35%	1,2,7,8,10, 11,12,13,14, 15,16,17,19,20	3,5	PI 3.3

CLO 2	Phân tích; thực hiện và đánh giá được các hoạt động liên quan đến quản trị vận hành như: dự báo cung cầu về sản phẩm trong tương lai; bố trí mặt bằng; xác định sản lượng đơn hàng tối ưu; quản lý hàng tồn kho; quản lý chất lượng sản phẩm; quản lý chuỗi cung ứng; bố trí sản xuất; quản lý dự án; quản lý theo Lean; phối hợp các nguồn lực.	Trắc nghiệm lý thuyết	15%	3,4,5,6,9,18	1,5 đ	PI 7.1
		Trắc nghiệm toán	30%	1,2,3,4,5,6	3 đ	
CLO 3	Lập kế hoạch vận hành doanh nghiệp hiệu quả.	Tự luận	20%		2đ	PI 4.3

III. Nội dung câu hỏi thi

1. TRẮC NGHIỆM LÝ THUYẾT: 5 điểm (gồm 20 câu. 0,25 điểm/câu)

1. Một nhà quản trị vận hành thường KHÔNG liên quan đến ____

- A. Nghiên cứu tiếp thị
- B. Việc thiết kế hàng hóa và dịch vụ để đáp ứng yêu cầu khách hàng
- C. Quản lý chất lượng hàng hóa và dịch vụ để đáp ứng yêu cầu khách hàng
- D. Duy trì thời gian biểu

ANSWER: A

2. Các chức năng cơ bản của tất cả các doanh nghiệp là ____

- A. Tiếp thị, vận hành và tài chính
- B. Vận hành, tiếp thị và nhân sự
- C. Tiếp thị, nhân sự và tài chính/kế toán
- D. Nghiên cứu/phát triển, tài chính và mua hàng

ANSWER: A

3. Năng suất sẽ tăng khi ____

- A. Giảm yếu tố đầu vào và giữ nguyên yếu tố đầu ra
- B. Tăng yếu tố đầu vào và đầu ra với cùng tỷ lệ phần trăm
- C. Tăng yếu tố đầu vào và giữ nguyên yếu tố đầu ra
- D. Giảm yếu tố đầu ra và giữ nguyên yếu tố đầu vào

ANSWER: A

4. Lý do nào sau đây KHÔNG phải là lý do cải thiện vận hành trong toàn cầu hóa?

- A. Giảm phản ứng các bên tham gia
- B. Đạt được sự cải tiến trong chuỗi cung ứng
- C. Kéo dài vòng đời sản phẩm
- D. Thu hút và giữ chân nhân tài quốc tế

ANSWER: A

5. Câu nào sau đây đúng về chiến lược kinh doanh?

- A. Các sứ mệnh được định hình rõ ràng sẽ giúp cho sự phát triển chiến lược dễ dàng hơn
- B. Một tổ chức nên gắn liền chiến lược với thời gian tồn tại của doanh nghiệp

- C. Tất cả doanh nghiệp trong cùng một ngành công nghiệp sẽ có chung một chiến lược
 D. Chiến lược của tổ chức phụ thuộc vào các chiến lược vận hành

ANSWER: A

6. Ngành nào sau đây có khả năng sử dụng thiết bị thấp?

- A. Nhà hàng
 B. Sản xuất bánh công nghiệp
 C. Sản xuất ô tô
 D. Dệt

ANSWER: A

7. Cụm từ nào sau đây mô tả đúng nhất về chiến lược hướng vào sản phẩm?

- A. Chi phí cố định cao, chi phí biến đổi thấp
 B. Hàng hóa thành phẩm thường được thực hiện theo đơn đặt hàng
 C. Các quy trình được thiết kế để thực hiện nhiều hoạt động khác nhau
 D. Khối lượng thấp, nhiều loại

ANSWER: A

8. Phát biểu nào sau đây đúng về “Dự báo”:

- A. Dự báo hiếm khi đạt chính xác hoàn toàn
 B. Chính xác hơn khi dự báo dài hạn
 C. Dự báo nhu cầu hàng hóa đơn lẻ chính xác hơn dự báo nhu cầu nhóm hàng hóa
 D. Tất cả ý được nêu đều đúng

ANSWER: A

9. Vì vấn đề bố trí vị trí cố định rất khó giải quyết tại chỗ, các nhà quản lý ____

- A. Thường cố gắng hoàn thành càng nhiều phần của dự án ở bên ngoài địa điểm thì càng tốt
 B. Chỉ sử dụng bố cục này cho các nhà thầu quốc phòng
 C. Thường cố gắng dẫn thời gian sản xuất
 D. Hầu như không bao giờ sử dụng chiến lược bố cục này

ANSWER: A

10. Câu nào dưới đây mô tả đúng nhất cách bố trí văn phòng?

- A. Nhân viên, thiết bị được tập trung theo từng khu vực chức năng để tạo thuận tiện cho sự lưu chuyển thông tin
 B. Giải quyết các yêu cầu bố trí của các dự án lớn, công kênh như tàu và các tòa nhà
 C. Tìm kiếm nhân sự tốt nhất và sử dụng máy móc trong sản xuất lặp đi lặp lại hoặc liên tục
 D. Phân bổ không gian kệ và đáp ứng hành vi của khách hàng

ANSWER: A

11. Điều nào sau đây KHÔNG phải là giả định của mô hình lượng đặt hàng kinh tế (EOQ)?

- A. Sản xuất và sử dụng có thể xảy ra đồng thời
 B. Thời gian chờ từ khi đặt hàng đến khi nhận hàng không đổi
 C. Giá mua cho một đơn vị hàng không phụ thuộc vào sản lượng đơn hàng
 D. Nhu cầu được biết đến, không đổi và độc lập

ANSWER: A

12. Hoạch định tổng hợp là các kế hoạch sản xuất được phát triển cho một khoảng thời gian kéo dài:

- A. 3 đến 18 tháng
 B. Lên đến 3 tháng
 C. Chưa đầy một tháng
 D. Hơn một năm

ANSWER: A

13. Phụ thuộc vào nguồn cung cấp bên ngoài là chiến lược nào sau đây trong hoạch định tổng hợp?

- A. Thầu phụ
- B. Thay đổi khối lượng sản xuất thông qua làm thêm giờ
- C. Sử dụng tồn kho
- D. Tuyển dụng và sa thải

ANSWER: A

14. Một lịch sản xuất chính chỉ định _____

- A. Sản phẩm nào sẽ được tạo ra và khi nào tạo
- B. Thành phần nào sẽ được tạo ra và khi nào tạo
- C. Các nguyên liệu thô cần thiết để hoàn thành sản phẩm
- D. Số giờ lao động cần thiết cho sản xuất

ANSWER: A

15. Một bảng danh mục vật tư (BOM) liệt kê _____

- A. Các thành phần và vật liệu cần thiết để sản xuất một mặt hàng
- B. Lịch sản xuất cho tất cả các sản phẩm
- C. Thời gian cần thiết để thực hiện tất cả các giai đoạn sản xuất
- D. Các hoạt động cần thiết để sản xuất một mặt hàng

ANSWER: A

16. Tiêu chí nào sau đây KHÔNG phải là tiêu chí hiệu quả để lập lịch trình?

- A. Tối đa hóa thời gian dòng chảy sản xuất
- B. Giảm thiểu thời gian hoàn thành
- C. Tối đa hóa hiệu quả việc sử dụng máy
- D. Giảm thiểu thời gian chờ đợi của khách hàng

ANSWER: A

17. _____ dựa trên triết lý rằng bất kỳ khía cạnh nào của một tổ chức đều có thể được cải thiện.

- A. Cải tiến liên tục
- B. Đúng lúc (JIT)
- C. Taguchi
- D. Sig Sixma

ANSWER: A

18. Chuỗi thức ăn nhanh gà rán mua lại các nhà máy thức ăn chăn nuôi và trang trại gia cầm là thực hiện _____

- A. Hội nhập ngược
- B. Hội nhập về phía trước
- C. Hội nhập ngang
- D. Chuyển đổi hiện tại

ANSWER: A

19. Một trong các mục tiêu của Lean là gì?

- A. Giảm chi phí và cải thiện chất lượng
- B. Tăng số lượng sản phẩm lỗi
- C. Giảm số lượng nhà cung cấp
- D. Tăng dự trữ hàng tồn kho

ANSWER: A

20. Just-in-time (JIT) nhấn mạnh điều gì?

- A. Giải quyết vấn đề liên tục
- B. Tăng cường giám sát nhân viên
- C. Tăng quy mô sản xuất

D. Dự trữ hàng tồn kho lâu dài

ANSWER: A

2. TRẮC NGHIỆM TOÁN: 3 điểm (gồm 6 câu, 0,5 điểm/câu)

1. Trong bài toán bố trí mặt bằng theo sản phẩm, mỗi ngày đơn vị sản xuất trong thời gian 480 phút, lịch trình yêu cầu sản xuất 40 sản phẩm mỗi ngày. Vậy thời gian chu kỳ là gì?

A. 12 phút

B. 10 phút

C. 20 phút

D. 8 phút

ANSWER: A

2. Lịch sản xuất chính yêu cầu 100 đơn vị Sản phẩm K. Hiện có 15 sản phẩm K trong tay. Mỗi K cần 3 chi tiết E. Có 15 đơn vị E có sẵn. Yêu cầu ròng đối với E là ____.

A. 240

B. 250

C. 300

D. 255

ANSWER: A

3. Có bốn công việc cần phải được gia công trên 2 máy. Thời gian thực hiện từng công việc trên mỗi máy được cho bởi bảng dưới đây. Khi dùng nguyên tắc Jonhson để sắp xếp thứ tự thực hiện công việc, ta sẽ có thứ tự thực hiện công việc là _____.

Công việc	Máy 1 (giờ)	Máy 2 (giờ)
A	7	5
B	2	6
C	3	4
D	8	3

A. B-C-A-D

B. C-A-B-D

C. A-B-C-D

D. C-B-A-E

ANSWER: A

4. CTY có nhu cầu về SP A trong tháng là 1200 Sản phẩm (tháng làm việc 24 ngày). Thời gian từ khi đặt hàng đến khi hàng về tới kho CTY là 2 ngày. Điểm tái đặt hàng ROP là:

A. 100 sản phẩm

B. 150 sản phẩm

C. 50 sản phẩm

D. 200 sản phẩm

ANSWER: A

5. Nhu cầu thực tế quý này (t) là 280 đơn vị, dự báo nhu cầu quý này (t) là 290 đơn vị. Với hệ số san bằng là 0,3, dựa vào phương pháp san bằng số mũ giản đơn, dự báo nhu cầu quý tới (t+1) là bao nhiêu?

A. 287

B. 297

C. 270

D. 280

ANSWER: A

6. Một công ty có 3 bộ phận E,F,K. Hiện tại, các bộ phận đang được sắp xếp theo sơ đồ vị trí như sau:

E	F	K
---	---	---

Số công việc liên hệ giữa các bộ phận là: E và F: 40 công việc; F và K: 55 công việc; E và K: 20 công việc. Giả sử chi phí di chuyển là \$1 giữa các bộ phận liền kề và \$2 giữa các bộ phận không liền kề. Chi phí của cách bố trí này sẽ là:

A. 135 \$

B. 115 \$

C. 155 \$

D. 120\$

ANSWER: A

3. TỰ LUẬN: 2 điểm (gồm 2 câu)

Khu Du lịch A nhận thấy bên cạnh số lượt khách đến khu du lịch có khuynh hướng tăng dần qua thời gian thì có sự biến động theo ngày trong tuần. Họ theo dõi trong 2 tuần tiếp nhau và thu được kết quả như sau:

Thứ	Tuần 1 (lượt khách)	Tuần 2 (lượt khách)
Hai	250	260
Ba	280	300
Tư	310	310
Năm	290	310
Sáu	330	320
Bảy	530	590
Chủ nhật	720	760
	2710	2850

Dựa trên phương pháp mùa vụ, anh chị hãy xác định:

- Chỉ số mùa vụ của các ngày trong tuần (1,2 điểm)
- Dự báo lượt khách đến khu du lịch A từng ngày trong tuần 3 biết lượt khách đến khu du lịch trong tuần 3 có thể lên tới 3.100 lượt. (0,8 điểm)

ĐÁP ÁN PHẦN TRẮC NGHIỆM- TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú																																				
I. Trắc nghiệm		8,0 điểm																																					
1. Trắc nghiệm lý thuyết		5,0 điểm																																					
Câu 1 đến câu 20	A	0,25đ x20 câu																																					
2. Trắc nghiệm toán		3,0 điểm																																					
Câu 1 đến câu 6	A	0,5đx6 câu																																					
II. Tự luận		2 điểm																																					
	<table> <tr> <th>Thứ</th><th>Tổng nhu cầu</th><th>Chỉ số mùa vụ</th><th>Dự báo lượt khách đến</th></tr> <tr> <td>Hai</td><td>510</td><td>0,092</td><td>285,20</td></tr> <tr> <td>Ba</td><td>580</td><td>0,104</td><td>322,40</td></tr> <tr> <td>Tư</td><td>620</td><td>0,112</td><td>347,20</td></tr> <tr> <td>Năm</td><td>600</td><td>0,108</td><td>334,80</td></tr> <tr> <td>Sáu</td><td>650</td><td>0,117</td><td>362,70</td></tr> <tr> <td>Bảy</td><td>1120</td><td>0,201</td><td>623,10</td></tr> <tr> <td>Chủ nhật</td><td>1480</td><td>0,266</td><td>824,60</td></tr> <tr> <td>Tổng cộng</td><td>5560</td><td></td><td>3100.00</td></tr> </table>	Thứ	Tổng nhu cầu	Chỉ số mùa vụ	Dự báo lượt khách đến	Hai	510	0,092	285,20	Ba	580	0,104	322,40	Tư	620	0,112	347,20	Năm	600	0,108	334,80	Sáu	650	0,117	362,70	Bảy	1120	0,201	623,10	Chủ nhật	1480	0,266	824,60	Tổng cộng	5560		3100.00		
Thứ	Tổng nhu cầu	Chỉ số mùa vụ	Dự báo lượt khách đến																																				
Hai	510	0,092	285,20																																				
Ba	580	0,104	322,40																																				
Tư	620	0,112	347,20																																				
Năm	600	0,108	334,80																																				
Sáu	650	0,117	362,70																																				
Bảy	1120	0,201	623,10																																				
Chủ nhật	1480	0,266	824,60																																				
Tổng cộng	5560		3100.00																																				
Câu a	Đúng tổng nhu cầu từng ngày Đúng chỉ số mùa vụ	0,4 đ 0,8 đ																																					
Câu b	Đúng dự báo lượt khách đến	0,8 đ																																					
	Điểm tổng	10.0																																					

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề



TS. Đỗ Thành Lưu

TS. Nguyễn Lan Hương